



SỞ LAO ĐỘNG
- THƯƠNG
BINH VÀ XÃ
HỘI
17.04.2023
09:41:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8074/SLĐTBXH-GDNN
Về tổ chức kiểm tra hoạt động giáo dục
nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố
năm 2023.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

Ký: *Trần Đức Phát*

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi:

Số: 196
ĐẾN Ngày: 26/4/2023
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

- Hiệu trưởng các trường Cao đẳng;
- Hiệu trưởng các trường Trung cấp;
- Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp;
- Thủ trưởng các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 37755/QĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2023.

Căn cứ Kế hoạch số 1792/KH-SLĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Chỉ đạo, điều hành trên lĩnh vực Lao động - người có công và Xã hội năm 2023.

Căn cứ Công văn số 206/TCGDNN-ĐTCQ ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức đào tạo; thi, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục nghề nghiệp;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai đến Thủ trưởng các đơn vị về việc tổ chức kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố năm 2023, cụ thể như sau:

1. Nội dung kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a. Việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp

- Công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp.
- Công tác tuyển sinh, đào tạo cho đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp các ngành, nghề trình độ trung cấp; việc thực hiện chính sách miễn học phí cho đối tượng này.
- Việc tuyển dụng, phân công giảng dạy đối với nhà giáo.

- Việc thực hiện Điều lệ Trường, Điều lệ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

- Việc tổ chức đào tạo liên thông, liên kết đào tạo, đào tạo vừa làm vừa học. Việc mở địa điểm đào tạo mới ngoài trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Việc cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp theo Công văn số 385/LĐTBXH-TCGDNN ngày 06/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cập nhật dữ liệu văn bằng giáo dục nghề nghiệp trên trang tra cứu văn bằng và Công văn số 297/TCGDNN-VP ngày 18/02/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc cập nhật dữ liệu văn bằng giáo dục nghề nghiệp trên trang tra cứu văn bằng.

- Công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp sử dụng văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp không qua đào tạo.

- Công tác tự thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp theo Phiếu tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tại Công văn số 1631/TCGDNN-PCTT ngày 15/8/2019 về việc tự thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Việc công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp (*cơ sở vật chất; thiết bị; dụng cụ đào tạo; đội ngũ nhà giáo; chương trình đào tạo*) đối với từng ngành, nghề tại từng điểm đào tạo của các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên trang tin điện tử của từng trường, trung tâm theo hướng dẫn tại Công văn số 1857/TCGDNN-PCTT ngày 17/8/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc công khai các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Công văn số 1437/SLĐTBXH-GDNN ngày 15/01/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công khai các điều kiện đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

b. *Việc đáp ứng quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã*

hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về đáp ứng ngành nghề đào tạo.
- Về đảm bảo quy mô tối thiểu.
- Về đảm bảo tỷ lệ tối đa học sinh, sinh viên/giảng viên.
- Về đáp ứng diện tích đất tối thiểu.
- Về đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi.

2. Công tác chuẩn bị: Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện báo cáo hoạt động giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2022 theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1 (đính kèm)** và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (phòng Giáo dục nghề nghiệp, số 159 Pasteur phường Võ Thị Sáu Quận 3, email: gdn.sldtbxh@tphcm.gov.vn) trước ngày 28 tháng 4 năm 2023 (gửi email 02 tập tin: 01 tập tin định dạng mở rộng .PDF - có chữ ký và đóng dấu của đơn vị; 01 tập tin định dạng mở rộng .DOCX).

3. Thời gian, địa điểm, đơn vị kiểm tra

- Địa điểm: tại địa điểm hoạt động giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị;
- Thời gian: từ tháng 01 tháng 5 năm 2023 đến 31 tháng 10 năm 2023.
- Danh sách đơn vị và tiến độ thực hiện theo **Phụ lục 2 (đính kèm)**.

4. Cơ cấu, nhiệm vụ các tổ kiểm tra:

a. Cơ cấu, thành phần tổ kiểm tra

Thành lập 02 tổ kiểm tra, cơ cấu thành phần tổ kiểm tra gồm:

- Tổ kiểm tra số 1

+ Tổ trưởng: Đ/c Nguyễn Chí Thành, Phó Trưởng phòng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Thư ký: Đ/c Nguyễn Việt Khanh, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Thành viên:

- Đại diện Thanh tra Sở;
- Đại diện phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm Xã hội;
- Đại diện phòng Việc làm - An toàn lao động;
- Đ/c Trương Ngọc Thúy, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.
- Đ/c Nguyễn Thị Kim Khánh, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.

Tổ kiểm tra số 2

+ *Tổ trưởng*: Đ/c Nguyễn Đào Minh Nhung, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.

+ *Thư ký*: Đ/c Bùi Thị Hải Lý, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.

+ *Thành viên*:

- Đại diện Thanh tra Sở;
- Đại diện phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm Xã hội;
- Đại diện phòng Việc làm - An toàn lao động;
- Đ/c Nguyễn Đức Trung, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.
- Đ/c Ngô Huy Phương, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.

b. *Nhiệm vụ Tổ kiểm tra*

- Các tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế tại các đơn vị theo các nội dung tại khoản 1 nêu trên, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện có của các đơn vị.

- Sau 30 ngày kết thúc đợt kiểm tra, phòng Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở về kết quả kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tham mưu xử lý các sai phạm phát hiện sau quá trình kiểm tra (nếu có).

5. Các đơn vị không có tên tại Phụ lục 2 tiến hành tự kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục nghề nghiệp, các điều kiện đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn trong công tác đào tạo. Báo cáo kết quả tự kiểm tra về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*phòng Giáo dục nghề nghiệp*) chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Thủ trưởng các đơn vị căn cứ các nội dung được kiểm tra, tiến hành rà soát, chấn chỉnh hoạt động và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, sổ sách liên quan để công tác kiểm tra đạt kết quả tốt. /*✓*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- UBND quận, huyện, TP. Thủ Đức;
- P.LĐTĐ và P.BHXH quận, huyện, TP. Thủ Đức;
- GD, các PGD Sở;
- Văn phòng Sở, Phòng VL-ATLĐ;
- Thanh tra Sở, Phòng LĐ-TL-BHXH;
- Lưu: VT, P.GDNN (P).



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thịnh

Phụ lục 1
Biểu mẫu báo cáo phục vụ công tác kiểm tra hoạt động
giáo dục nghề nghiệp năm 2023
(Đính kèm Công văn số 8074/SLĐTĐBXH-GDNN ngày 17 tháng 4 năm 2023)
*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Hoạt động giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2022

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ các địa điểm đào tạo: (liệt kê đầy đủ)
- Điện thoại liên lạc:
- Email:
- Cơ quan chủ quản:
- Quyết định thành lập (ghi rõ: số, ngày cấp, cơ quan cấp)
- Quyết định đổi tên – nếu có (ghi rõ: số, ngày cấp, cơ quan cấp)
- Họ và tên Hiệu trưởng/Giám đốc (ghi rõ: số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn công nhận, họ và tên người được công nhận)
- Điện thoại di động Hiệu trưởng/Giám đốc:
- Email:
- Họ và tên Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc phụ trách đào tạo (ghi rõ: số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn công nhận, họ và tên người được công nhận)
- Điện thoại di động Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc phụ trách đào tạo:
- Email:
- Quyết định công nhận Hội đồng quản trị (ghi rõ: số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn công nhận)

- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động (ghi rõ: số, ngày ký, thẩm quyền người ký, thời hiệu)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (ghi rõ: số, ngày cấp, cơ quan cấp)
- Số lượng phòng chức năng: phòng; gồm: (liệt kê đầy đủ).
- Số lượng Khoa/Tổ chuyên môn: đơn vị; gồm: (liệt kê đầy đủ).

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG

1. Tổ chức cơ sở Đảng (nếu có)

- Tên tổ chức
- Tổ chức Đảng cấp trên quản lý:
- Số lượng đảng viên: người, trong đó chính thức là: người.

2. Tổ chức Công đoàn

- Tên tổ chức
- Tổ chức Công đoàn cấp trên quản lý:
- Số lượng công đoàn viên: người.

3. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản

- Tên tổ chức
- Tổ chức Đoàn TNCS cấp trên quản lý:
- Số lượng Đoàn viên: người, trong đó: đoàn viên giáo viên – nhân viên là: người; đoàn viên sinh viên – học sinh là: người.

4. Tổ chức bộ máy của đơn vị

a) Về trình độ chuyên môn

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ				
			GS/PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Dưới ĐH
1	Ban giám hiệu/Ban giám đốc						
2	Cán bộ quản lý (Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)						
3	Nhà giáo cơ hữu						
4	Nhà giáo thỉnh giảng						

5	Nhân viên, người lao động						
TỔNG CỘNG							

b) Về nghiệp vụ sư phạm

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ				
			NVSP bậc 1	NVSP bậc 2	Sư phạm dạy nghề	Sư phạm ĐH-CĐ	Tốt nghiệp ĐHSPKT, ĐHSP
1	Ban giám hiệu/Ban giám đốc						
2	Cán bộ quản lý (Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)						
3	Nhà giáo cơ hữu						
4	Nhà giáo thỉnh giảng						
5	Nhân viên, người lao động						
TỔNG CỘNG							

c) Về trình độ ngoại ngữ

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ (khung năng lực ngoại ngữ quốc gia)				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
1	Ban giám hiệu/Ban giám đốc						
2	Cán bộ quản lý (Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)						
3	Nhà giáo cơ hữu						
4	Nhà giáo thỉnh giảng						
5	Nhân viên, người lao động						
TỔNG CỘNG							

d) Về trình độ tin học

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ				
			CNTT cơ bản	CNTT nâng cao	Cao đẳng	Đại học	Chứng chỉ quốc tế
1	Ban giám hiệu/Ban giám đốc						
2	Cán bộ quản lý (Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)						
3	Nhà giáo cơ hữu						
4	Nhà giáo thỉnh giảng						
5	Nhân viên, người lao động						
TỔNG CỘNG							

III. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Hội đồng trường/Hội đồng quản trị (nếu có)

a) Đã thành lập: ☐ Quyết định số ...

b) Chưa ban hành: ☐ Lý do: ...

2. Quy chế tổ chức, hoạt động (nếu có)

a) Đã thành lập: ☐ Quyết định số ...

b) Chưa ban hành: ☐ Lý do: ...

3. Về công tác tuyển sinh

3.1. Việc lập và triển khai kế hoạch tuyển sinh

- Có xây dựng ☐ Văn bản số ...

- Không xây dựng: ☐ Lý do: ...

3.2. Về đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh

- Có xây dựng ☐ Văn bản số ...

- Không xây dựng: ☐ Lý do: ...

3.3. Thành lập Hội đồng tuyển sinh (đối với trường trung cấp, trường cao đẳng)

- Có thành lập ☐ Quyết định số ...

- Không thành lập ☐ Lý do: ...

3.4. Thông báo tuyển sinh

- Có ban hành ☐. Văn bản số ...

- Không ban hành ☐. Lý do: ...

3.5. Phê duyệt kết quả tuyển sinh

- Có phê duyệt ☐. Văn bản số ...

- Không phê duyệt ☐. Lý do: ...

3.6. Về hồ sơ tuyển sinh của người học trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp

- Có đủ hồ sơ người học ☐

- Không đủ hồ sơ người học ☐. Lý do ...

3.7. Kết quả tuyển sinh

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Kết quả tuyển sinh (ĐVT: người)		
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1							
2							
3							
...							

4. Về công tác đào tạo

4.1. Tổng thể kết quả đào tạo:

TT	Năm	Quy mô đào tạo tại thời điểm 31/12 năm trước chuyển sang	Số lượng HSSV tốt nghiệp trong năm	Số lượng SVHS nghỉ học, bỏ học và bị xóa tên trong năm	Kết quả tuyển mới trong năm (tính đến 31/12)	Quy mô đào tạo tính đến 31/12 của năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=[(3)+(6)]-[(4)+(5)]
1	2020					
2	2021					
3	2022					

4.2. Kết quả đào tạo theo từng nghề:

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Mã nghề	Kết quả tốt nghiệp hàng năm (ĐVT: người)		
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1						
2						
3						
...						
	Tổng cộng					

4.3. Về quá trình đào tạo

4.3.1. Việc ban hành Kế hoạch đào tạo của Khóa học (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017):

☐ Không

☐ Có, ban hành theo:.....

4.3.2. Việc công khai Kế hoạch đào tạo của Khóa học (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017):

☐ Không thực hiện

☐ Có, thực hiện với hình thức:.....

.....
- Nội dung Kế hoạch đào tạo của Khóa học có đảm bảo các nội dung tối thiểu (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017, các nội dung tối thiểu gồm: số lượng học kỳ thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, xét đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh; chương trình của từng môn học, mô-đun; địa điểm thực hiện; giáo viên, giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực hành từng môn học, mô-đun cho từng lớp học cụ thể):

☐ Không đảm bảo

☐ Có nhưng còn thiếu các nội dung:.....

.....
☐ Có, đảm bảo đầy đủ nội dung

4.3.3. Việc ban hành Kế hoạch đào tạo của Khóa học ở từng năm học (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017):

☐ Không

☐ Có, ban hành đầy đủ theo từng năm gồm:.....

.....
☐ Có nhưng còn có năm không ban hành là:

.....

4.3.4. Việc công khai Kế hoạch đào tạo của Khóa học ở từng năm học (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017):

☐ Không thực hiện

☐ Có, thực hiện đầy đủ theo từng năm gồm:

.....

☐ Có nhưng còn có năm không thực hiện là:.....

.....

4.3.5. Nội dung Kế hoạch đào tạo của Khóa học ở từng năm học có đảm bảo các nội dung tối thiểu (theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017, các nội dung tối thiểu gồm: số lượng học kỳ thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, xét đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh; chương trình của từng môn học, mô-đun; địa điểm thực hiện; giáo viên, giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực hành từng môn học, mô-đun cho từng lớp học cụ thể):

☐ Không đảm bảo

☐ Có nhưng còn thiếu các nội dung:.....

.....

.....

.....

.....

.....

☐ Có, đảm bảo đầy đủ nội dung

4.3.6. Về các loại hồ sơ, sổ sách đơn vị sử dụng trong quá trình đào tạo (theo quy định tại Điều 4, Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018):

- Chương trình đào tạo

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo Quyết định số:.....

.....

- Kế hoạch đào tạo

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo:.....

.....
- *Tiến độ đào tạo*

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo:.....
.....

.....
- *Thời khóa biểu*

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo:.....
.....

.....
- *Sổ lên lớp*

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo:.....
.....

.....
- *Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp*

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo:.....
.....

.....
- *Sổ cấp bằng tốt nghiệp*

☐ Không có

☐ Có, thực hiện theo:.....
.....

.....
4.3.7. Về các loại hồ sơ, sổ sách dành cho giáo viên tại đơn vị sử dụng trong quá trình đào tạo (theo quy định tại Điều 5, Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018):

- *Kế hoạch giảng dạy (nội dung phải có các nội dung chính: Thứ tự bài giảng, tên bài giảng, số giờ, thời gian thực hiện ở từng lớp, thiết bị, đồ dùng dạy học cho bài học)*

☐ Không có

☐ Có, nhưng nội dung còn thiếu:
.....
.....

☐ Có, đầy đủ nội dung theo quy định

- *Giáo án*

☐ Không có

☐ Có thực hiện

- *Sổ tay giáo viên*

☐ Không có

☐ Có thực hiện

4.3.8. Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun (theo quy định tại Điều 12, Thông tư 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/3/2017):

- Đối chiếu Chương trình đào tạo, việc kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ của các môn học, mô-đun như sau:

☐ Không thực hiện đúng Chương trình đào tạo

☐ Có thực hiện nhưng còn có môn học, mô-đun chưa thực hiện đúng Chương trình đào tạo:.....

.....

.....

.....

.....

.....

☐ Có thực hiện và đúng theo Chương trình đào tạo.

- Việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun:

+ Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức 01 kỳ thi chính để thúc môn học, mô-đun:

☐ Không tổ chức

☐ Có tổ chức

+ Lịch thi của Kỳ thi chính được thông báo trước Kỳ thi:

☐ Từ 04 tuần trở lên

☐ Dưới 04 tuần

+ Việc lập danh sách người học đủ điều kiện dự thi và không đủ điều kiện dự thi:

☐ Không ban hành

☐ Có ban hành

+ Trường hợp có ban hành danh sách người học đủ điều kiện dự thi và không đủ điều kiện dự thi, thời gian công bố công khai là:

☐ Trước ngày thi từ 05 ngày làm việc trở lên

☐ Trước ngày thi dưới 05 ngày làm việc

+ Đối chiếu Chương trình môn học, mô-đun, hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun:

☐ Không đúng Chương trình môn học, mô-đun, với lý do:.....

.....

☐ Đúng Chương trình môn học, mô-đun

4.3.9. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp cho người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo:

- Việc việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp:

☐ Không thành lập

☐ Có, được thành lập theo :.....

.....

- Về việc xét tốt nghiệp cho người học:

+ Đối với người học theo hình thức tích lũy mô-đun, tín chỉ (theo quy định tại Điều 25, Thông tư 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/3/2017):

☐ Đúng quy định

☐ Chưa đúng quy định, cụ thể:.....

.....

.....

.....

.....

.....

☐ Đơn vị không thực hiện theo hình thức này.

+ Đối với người học theo hình thức niên chế (theo quy định tại Điều 33, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017):

☐ Đúng quy định

☐ Chưa đúng quy định, cụ thể:.....

.....

.....

.....

.....

.....

☐ Đơn vị không thực hiện theo hình thức này.

- Về việc ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp:

☐ Không ban hành

☐ Có, ban hành theo :

.....

.....

- Về việc cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

☐ Đúng quy định (cấp cho người học đã tốt nghiệp hoặc cấp cho người nhận thay theo giấy ủy quyền của người học đã tốt nghiệp)

☐ Không đúng quy định, cụ thể:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4.3.10. Về thực hiện chế độ lưu trữ vĩnh viễn hồ sơ, tài liệu (theo quy định tại Điều 18, Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017)

Kiểm tra hồ sơ lưu trữ vĩnh viễn hiện lưu trữ tại đơn vị, kết quả kiểm tra như sau:

...											
-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5.2. Về tình hình phương tiện kỹ thuật dạy học

Đối với nghề ...

Theo hồ sơ đăng ký (đăng ký bổ sung) hoạt động giáo dục nghề nghiệp của đơn vị cung cấp, tại thời điểm kiểm tra nhận thấy:

☐ Đầy đủ thiết bị theo hồ sơ

☐ Không đầy đủ thiết bị theo hồ sơ, không có các thiết bị sau:.....

.....

.....

.....

.....

Đối với nghề ...

Theo hồ sơ đăng ký (đăng ký bổ sung) hoạt động giáo dục nghề nghiệp của đơn vị cung cấp, tại thời điểm kiểm tra nhận thấy:

☐ Đầy đủ thiết bị theo hồ sơ

☐ Không đầy đủ thiết bị theo hồ sơ, không có các thiết bị sau:.....

.....

.....

.....

.....

6. Về thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật người học

- Trong công tác khen thưởng (theo Điều 16, Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
- Trong công tác kỷ luật (theo Điều 18, Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

+ Việc thực hiện kỷ luật học sinh trong giai đoạn 2020 - 2022

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:.....
.....
.....
.....

+ Về trình tự, thủ tục kỷ luật học sinh trong giai đoạn 2020 - 2022 (theo quy định tại Điều 19, Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

☐ Đúng quy định

☐ Không đúng quy định, cụ thể:
.....
.....
.....

7. Về quản lý, in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ

- Việc phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:.....
.....
.....

- Việc báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:.....
.....
.....

.....

.....

- Việc quản lý văn bằng, chứng chỉ

+ Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã tổ chức in phôi bằng trình độ Cao đẳng, phôi bằng trình độ Trung cấp và phôi chứng chỉ Sơ cấp.

+ Đã phát cho người học bằng Cao đẳng, ... bằng Trung cấp và chứng chỉ Sơ cấp.

+ Có bằng Cao đẳng, ... bằng Trung cấp và chứng chỉ Sơ cấp đã ban hành nhưng người học chưa đến nhận.

+ Đã tổ chức hủy bằng Cao đẳng, ... bằng Trung cấp và chứng chỉ Sơ cấp bị lỗi.

+ Hiện còn phôi bằng Cao đẳng, ... bằng Trung cấp và phôi chứng chỉ Sơ cấp chưa sử dụng.

IV. CÔNG TÁC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO - KẾT HỢP DOANH NGHIỆP - HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Về công tác liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:

TT	Đơn vị liên kết	Vai trò của đơn vị liên kết	Hợp đồng liên kết	Ngành nghề đào tạo liên kết	Trình độ đào tạo	Tổng số lượng người học đã tuyển sinh đến ngày 31/12/2022
1		Chủ trì				
2		Phối hợp				
3						
4						
5						

2. Việc tổ chức đào tạo tại các địa điểm liên kết đào tạo:

☐ Không được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận

☐ Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tại:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Về công tác hợp tác quốc tế

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:

TT	Đơn vị hợp tác	Quốc gia hợp tác	Hợp đồng hợp tác	Ngành nghề đào tạo hợp tác	Trình độ đào tạo	Tổng số lượng người học đã tuyển sinh đến ngày 31/12/2022
1						
2						
3						
4						
5						

4. Việc hoạt động hợp tác đào tạo với nước ngoài:

☐ Không được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận

☐ Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tại:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học sau tốt nghiệp của chương trình hợp tác đào tạo:

☐ Không cấp văn bằng, chứng chỉ

☐ Cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cụ thể:

.....

.....

.....

.....

☐ Cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của đối tác nước ngoài, cụ thể:.

.....

.....

.....

☐ Vừa cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, vừa cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của đối tác nước ngoài, cụ thể:

.....

.....

.....

5. Về công tác hợp tác với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo

☐ Không thực hiện

☐ Có thực hiện, cụ thể:

TT	Đơn vị hợp tác	Hình thức hợp tác	Hợp đồng hợp tác	Ngành nghề đào tạo hợp tác	Trình độ đào tạo	Tổng số lượng người học đã tham gia quá trình hợp tác đến ngày 31/12/2022
1						
2						
3						
4						
5						

Việc hoạt động hợp tác với doanh nghiệp:

☐ Không được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận

☐ Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tại:

.....
.....
.....
.....
.....

V. CÔNG TÁC CÔNG KHAI, MINH BẠCH CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Mục tiêu, chương trình đào tạo

- Đã công khai ☐
- Hình thức công khai:
- Chưa công khai ☐. Lý do ...

2. Mức học phí, miễn, giảm học phí

- Đã công khai ☐
- Hình thức công khai:
- Chưa công khai ☐. Lý do ...

3. Kết quả kiểm định chất lượng đào tạo (nếu có)

- Đã công khai ☐
- Hình thức công khai:
- Chưa công khai ☐. Lý do ...

4. Hệ thống văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp

- Đã công khai ☐
- Hình thức công khai:
- Chưa công khai ☐. Lý do ...

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Đã công khai ☐
- Hình thức công khai:
- Chưa công khai ☐. Lý do ...

6. Các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo

- Đã công khai ☐
- Hình thức công khai:
- Chưa công khai ☐. Lý do ...

**VI. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO TIÊU CHÍ, QUY MÔ, TIÊU CHUẨN
CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA (nếu có)**

1. Về quy hoạch mạng lưới.
2. Về quy mô đào tạo tối thiểu.
3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị.
4. Về diện tích đất sử dụng tối thiểu.
5. Về tiêu chuẩn thiết kế.
6. Về số lượng nghề đào tạo
7. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (nếu có)

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được, nguyên nhân
2. Hạn chế, nguyên nhân

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố
2. Đối với Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân Q.Huyện

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH;
-;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

Danh sách các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023

(Đính kèm Công văn số 8074/SLĐT BXH-GDNN ngày 17 tháng 4 năm 2023)

*

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	02 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1
2	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật TP HCM	05 Nam Quốc Cang, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1
3	Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm (phân hiệu TP HCM)	296 Lưu Hữu Phước, Phường 15, Quận 8
4	Trường Cao đẳng Điện lực TP HCM	554 Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12
5	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương III	73 Văn Cao, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú
6	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (phân hiệu TP HCM)	511 An Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân
7	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	17 đường số 8, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức
8	Trường Cao đẳng Xây dựng TP HCM	190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức
9	Trường Cao đẳng Y Dược Sài Gòn (cơ sở đào tạo)	1036 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Tân Bình
10	Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn	12 Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận
11	Trường Cao đẳng Y Dược Pasteur (cơ sở đào tạo)	37/3 Ngô Tất Tố, Phường 21, Quận Bình Thạnh
12	Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn (cơ sở đào tạo)	215D-215E Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh
13	Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn	80/68 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp
14	Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo	648/28 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3
15	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	500-502 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7
16	Trường Trung cấp Thông tin - Truyền thông TP HCM	Lô 24 Tòa nhà Innovation, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12
17	Trường Trung cấp nghề Quang Trung	689 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp

18	Trường Trung cấp nghề Củ Chi	02 Nguyễn Đại Năng, thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi
19	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Kinh tế Sài Gòn 3	1223 đường 3 tháng 2, Phường 6, Quận 11
20	Trường Trung cấp Tin học Kinh tế Sài Gòn	12-18 Nguyễn An Ninh, Phường 14, Quận Bình Thạnh
21	Trường Trung cấp Tây Sài Gòn	Suối Lội, ấp Bàu Sim, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi
22	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	27/3 đường số 10, Phường Bình Thuận, Quận 7
23	Công ty CP Đầu tư phát triển giáo dục M.I.U Academy	16D Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1
24	Công ty CP Đào tạo Spady Academy	44 đường số 1, KDC Cityland Riverside, Phường Tân Phú, Quận 7
25	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dạy nghề Minh Trang	50/19 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp
26	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Shimex Sài Gòn	B20 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình
27	Công ty TNHH Học viện đào tạo Kỹ năng vàng	108 Nguyễn Quý Anh, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú
28	Công ty TNHH Huấn luyện An toàn Kỹ thuật Miền Nam	65 đường B2, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
29	Công ty TNHH Dịch Vụ AKT	04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1
30	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Le Sam	111/1 Quang Trung, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

